

Hội thảo khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2011

CHỐNG ĐÓI NGHÈO - MỘT CHÍNH SÁCH LỚN CỦA ĐẢNG
TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

TS. Đào Thị Bích Hồng

Bộ môn Lý luận chính trị

Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh

Nhân loại đã bước vào thế kỷ XXI hơn một thập niên, nhưng đói nghèo vẫn là một thách thức lớn, mang tính cấp bách toàn cầu. Ngay cả những nước có nền kinh tế phát triển cao vẫn còn không ít những bộ phận dân cư sống dưới mức nghèo khổ. Đối với mỗi quốc gia, đói nghèo là một cản trở lớn cho sự phát triển kinh tế, là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự bất ổn về chính trị - xã hội. Tình trạng đói nghèo không chỉ là vấn đề kinh tế, mà còn là vấn đề xã hội. Vì thế, trong quá trình phát triển, tất cả các quốc gia đều hết sức quan tâm giải quyết vấn đề đói nghèo.

Ở Việt Nam có khoảng 20 triệu người vẫn đang sống trong cảnh nghèo đói, một bộ phận không nhỏ cư dân ở vùng sâu, vùng xa đang hàng ngày, hàng giờ phải vật lộn với cái đói, cái nghèo. Năm 2002, Việt Nam đứng thứ 109/173 quốc gia trên thế giới về đói nghèo. Đây là một thách thức lớn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

1. Xóa đói, giảm nghèo là một nhiệm vụ quan trọng thường xuyên trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước

Trong sự nghiệp đổi mới, nhất là thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, Đảng và Chính phủ hết sức quan tâm giải quyết các vấn đề xã hội, nhằm thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, trong đó xóa đói giảm nghèo là một chính sách hết sức quan trọng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (6-1991) xác định xóa đói, giảm nghèo là một trong những chương trình kinh tế xã hội vừa cấp bách trước mắt, vừa cơ bản lâu dài.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VII (6-1993) xác định: “Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói, giảm nghèo... Các vùng giàu, vùng phát triển trước phải cùng Nhà nước giúp đỡ, lôi cuốn các vùng nghèo, vùng phát triển sau để cùng vươn lên, nhất là những vùng đang có nhiều khó khăn, nghèo hơn các vùng khác như vùng cao, vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng căn cứ cách mạng trước đây”.

Đại hội lần thứ VIII của Đảng (6-1996) nhấn mạnh, “cùng với quá trình đổi mới, tăng trưởng kinh tế phải tiến hành công tác xóa đói, giảm nghèo, thực hiện công bằng xã hội, tránh sự phân hóa giàu nghèo quá giới hạn cho phép...”¹.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 35.

Thực hiện Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 29-11-1997 của Bộ chính trị về Lãnh đạo thực hiện công tác xóa đói, giảm nghèo, chính sách xóa đói, giảm nghèo được các cấp bộ đảng, chính quyền, đoàn thể triển khai mạnh mẽ ở hầu hết các tỉnh, huyện, nhất là những vùng, những xã nghèo. Nhà nước đầu tư cho các Chương trình xóa đói, giảm nghèo khoảng 21 nghìn tỷ đồng. Các cấp, các ngành, cơ quan đoàn thể triển khai nhiều biện pháp cụ thể giúp đỡ cho các hộ nghèo từng bước vượt qua khó khăn, vươn lên trong cuộc sống.

Bên cạnh những kết quả bước đầu đạt được trong thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, tình hình đói nghèo vẫn là vấn đề nóng bỏng đặt ra, cần tiếp tục tìm cách giải quyết.

Việt Nam là nước nông nghiệp, trình độ dân cư thấp, thụ động, dễ bị tổn thương trước biến động của mỗi gia đình và xã hội. Nhiều hộ có mức thu nhập trên ngưỡng nghèo, có nguy cơ tái nghèo. Đến năm 2001, cả nước có 2.800 nghìn hộ nghèo (chiếm 17,2% dân số). Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (4-2001), tiếp tục xác định xóa đói, giảm nghèo là nhiệm vụ quan trọng trong thời kỳ mới. Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010, xóa đói, giảm nghèo được cụ thể hóa thông qua việc xác định rõ hơn các biện pháp:

“Bằng nguồn lực của Nhà nước và của toàn xã hội, tăng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, cho vay vốn, trợ giúp đào tạo nghề, cung cấp thông tin, chuyển giao công nghệ, giúp đỡ tiêu thụ sản phẩm đối với người nghèo, xã nghèo và nhóm dân cư nghèo. Chủ động di dời một bộ phận nông dân không có đất canh tác và điều kiện sản xuất đến lập nghiệp ở những vùng còn tiềm năng. Nhà nước tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích mọi người vươn lên làm giàu chính đáng và giúp đỡ người nghèo. Thực hiện trợ cấp xã hội đối với người có hoàn cảnh đặc biệt không thể tự lao động, không có người bảo trợ, nuôi dưỡng. Phấn đấu đến năm 2010 về cơ bản không còn hộ nghèo. Thường xuyên củng cố thành quả xóa đói, giảm nghèo”².

Thực hiện chiến lược trên, trong những năm 2001-2005, chương trình xóa đói, giảm nghèo được đẩy mạnh bằng nhiều hình thức. Thông qua việc trợ giúp điều kiện sản xuất, tạo việc làm, cải thiện kết cấu hạ tầng, nhà ở; tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận với dịch vụ xã hội cơ bản, động viên các ngành, các cấp, các đoàn thể quần chúng và các tầng lớp dân cư tham gia..., tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 7% (năm 2005) (kế hoạch 10%, theo chuẩn Việt Nam)³.

Nghị quyết Đại hội X của Đảng (4-2001) chỉ rõ: "Trong điều kiện xây dựng nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế, phải luôn coi trọng yêu cầu nâng cao các phúc lợi xã hội cơ bản của nhân dân, đặc biệt là đối với người nghèo, vùng nghèo, các đối tượng chính sách...". Để đảm bảo hiệu quả thực hiện xóa đói, giảm nghèo, Đại hội X khẳng định: “Đa dạng hóa các nguồn lực và phương thức thực hiện xóa đói, giảm nghèo theo hướng phát huy cao độ nội lực và kết hợp sử dụng có hiệu quả sự trợ giúp của quốc

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 211-212.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 157.

tế. Nhà nước tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội và trợ giúp về điều kiện sản xuất, nâng cao kiến thức để người nghèo, hộ nghèo, vùng nghèo tự vươn lên thoát nghèo và cải thiện mức sống một cách bền vững, kết hợp chính sách của Nhà nước với sự trợ giúp trực tiếp và có hiệu quả của toàn xã hội, của những người khá giả cho người nghèo, hộ nghèo, nhất là đối với những vùng đặc biệt khó khăn. Ngăn chặn tình trạng tái nghèo”⁴.

Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI tiếp tục khẳng định: “Thực hiện có hiệu quả hơn chính sách giảm nghèo phù hợp với từng thời kỳ; đa dạng hóa nguồn lực và phương thức để đảm bảo giảm nghèo bền vững, nhất là tại các huyện nghèo nhất và các vùng đặc biệt khó khăn. Khuyến khích làm giàu theo pháp luật, tăng nhanh số hộ có thu nhập trung bình khá trở lên. Có chính sách và các giải pháp phù hợp nhằm hạn chế phân hóa giàu nghèo, giảm chênh lệch mức sống giữa nông thôn và thành thị”⁵.

Những quan điểm, chủ trương của Đảng về xóa đói, giảm nghèo là cơ sở, nền tảng để các cấp chính quyền Nhà nước, các ban, ngành, đoàn thể, triển khai thực hiện chính sách xóa đói, giảm nghèo một cách sâu rộng.

Quan điểm, chủ trương của Đảng về xóa đói giảm nghèo tập trung ở những nội dung cơ bản sau đây:

Một là, xóa đói, giảm nghèo phải dựa trên cơ sở tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả và bền vững, tạo nguồn lực trợ giúp cho người nghèo.

Hai là, xóa đói, giảm nghèo là nhiệm vụ của Đảng, Nhà nước và toàn thể nhân dân, mà trước hết là của chính người nghèo.

Ba là, Phải triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án xóa đói, giảm nghèo bằng các nguồn lực trong và ngoài nước.

Bốn là, việc hỗ trợ và cho vay vốn phải gắn với đào tạo, hướng dẫn và phải căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể của từng đối tượng, từng vùng.

Năm là, phải luôn quan tâm đến vấn đề tái nghèo trong nhân dân.

Tháng 9-2000, tại Hội nghị thượng đỉnh của các nguyên thủ quốc gia, Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã cam kết thực hiện “Mục tiêu Thiên niên kỷ” do Liên hiệp quốc khởi xướng, trong đó có mục tiêu giảm một nửa số người nghèo vào năm 2015. Với việc ký tuyên bố “Mục tiêu Thiên niên kỷ”, Đảng và Nhà nước Việt Nam thể hiện sự cam kết mạnh mẽ trong việc cải thiện hơn nữa phúc lợi của nhân dân, trong đó đặc biệt chú ý đến người nghèo.

Bước vào thế kỷ XXI, Chính phủ Việt Nam càng quyết tâm cao hơn trong cuộc chiến chống đói nghèo.

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 217.

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 124-125.

Tháng 5-2001, Thủ tướng Chính phủ thông qua “Chiến lược toàn diện tăng trưởng và giảm nghèo”, trong đó xóa đói, giảm nghèo, an sinh xã hội được xác định là một phần quan trọng trong chiến lược.

Tháng 10-2002, Ngân hàng Chính sách được thành lập. Đó là một bước cải cách quan trọng nhằm tách tín dụng chính sách ra khỏi tín dụng thương mại, góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo.

Tháng 9-2004, Chỉ thị 33/2004/CT-TTg về Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (2006-2010) xác định: “Đảm bảo xóa đói, giảm nghèo nhanh số hộ nghèo theo Chuẩn quốc tế, nhất là những vùng đặc biệt khó khăn, phát triển mạng lưới an sinh xã hội để trợ giúp người nghèo, xây dựng kết cấu hạ tầng bền vững”...

Những chủ trương, chính sách xoá đói, giảm nghèo của Đảng và Chính phủ Việt Nam thể hiện sự quan tâm thường xuyên với quyết tâm cao thực hiện sự công bằng xã hội ngay trong quá trình phát triển kinh tế.

2. Những nỗ lực của nhân dân Việt Nam trên mặt trận chống đói, nghèo

Xóa đói, giảm nghèo là cuộc đấu tranh rất gay go, chỉ có thể thành công khi có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và Nhà nước cùng với hành động cụ thể của toàn dân. Xóa đói, giảm nghèo cũng là phát triển vốn nhân lực của người nghèo, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho người nghèo có cơ hội phát triển, vươn lên ấm no, tháo gỡ một mắc xích quan trọng nhất cho sự phát triển bền vững.

Thanh niên là lực lượng xung kích trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Sự nghiệp đổi mới có thành công hay không, đất nước Việt Nam trong thế kỷ XXI có vị trí xứng đáng trong cộng đồng thế giới hay không, cách mạng Việt Nam có vững bước tiến lên theo con đường xã hội chủ nghĩa hay không phần lớn tùy thuộc vào lực lượng thanh niên. Vì vậy, xóa đói, giảm nghèo là một trong những nhiệm vụ lớn mà thanh niên là lực lượng đi đầu.

Thực hiện quyết tâm của Đảng và Nhà nước trong xóa đói, giảm nghèo, tùy tình hình thực tế, ở mỗi địa phương, thanh niên lại có cách làm khác nhau trong thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo.

Tỉnh Lạng Sơn với gần 140.000 thanh niên, trong đó thanh niên nông thôn chiếm khoảng 80%, khi hết mùa vụ, tỷ lệ thiếu việc làm ngày càng cao. Vấn đề giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo trở thành vấn đề quan trọng, có tính chất quyết định đến hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Thực hiện Chương trình hỗ trợ vốn cho thanh niên nghèo, trong những năm 2006-2010, Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn chỉ đạo đẩy mạnh công tác chuyển giao các tổ tiết kiệm và vay vốn cho thanh niên quản lý, tăng số dư nợ trong tổ chức Đoàn của tỉnh lên mức 122 tỷ đồng, với 323 tổ tiết kiệm và vay vốn, 7.774 hộ được vay. Ngoài Chương trình hỗ trợ vốn cho thanh niên nghèo, còn có các hoạt động thiết thực khác trong xóa đói giảm nghèo như hướng nghiệp, dạy nghề cho thanh niên, tập huấn, chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng... Các nguồn vốn vay được sử dụng có hiệu quả, đúng mục đích, giúp thanh niên và gia đình từng bước giảm nghèo, vươn lên làm giàu chính đáng. Năm 2010, tỉnh Lạng Sơn có trên 130 hộ thanh niên làm kinh tế giỏi, với các mô hình như VAC,

VACR, trang trại chăn nuôi, trồng các loại cây ăn quả, kinh doanh dịch vụ... Hầu hết các mô hình có mức thu nhập khoảng 40-100 triệu đồng/năm. Điển hình như Nguyễn Văn Sáng (thị trấn Văn Quan), với mô hình vườn ươm, thông, keo thu nhập trên 80 triệu đồng/năm, giải quyết việc làm cho hàng chục lao động; Phùng Văn Tiến (xã Hòa Sơn, huyện Hữu Lũng) với mô hình VACR thu nhập gần 100 triệu đồng/năm, thu hút 7 lao động; anh Hoàng Văn Khánh, xã Bằng Mạc, huyện Chi Lăng với mô hình chăn nuôi, kết hợp kinh doanh dịch vụ vận tải, thu nhập từ 50 - 70 triệu đồng/năm⁶...

Với đề án "Phát huy vai trò của thanh niên tham gia phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2006 - 2010", Tỉnh Đoàn Bắc Giang đã phát động phong trào Thanh niên nông thôn tìm hướng xóa nghèo, vượt khó, làm giàu, động viên đông đảo thanh niên tích cực tham gia chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi hướng tới xây dựng nền sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Đoàn thanh niên đã phối hợp các ngành trong tỉnh tổ chức 525 mô hình trình diễn trong nông nghiệp, thu hút 12.600 thanh niên nông thôn tham gia; 39 nghìn đoàn viên thanh niên được tập huấn khoa học- kỹ thuật; duy trì 115 câu lạc bộ khuyến nông, khuyến lâm; triển khai có hiệu quả nguồn vốn Ngân hàng chính sách xã hội với số tiền hơn 50 tỷ đồng, qua đó đã giải quyết việc làm cho gần 15 nghìn đoàn viên thanh niên nông thôn. Các cơ sở Đoàn đã vận động đoàn viên thanh niên tự giúp nhau về giống, vốn trị giá 6,4 tỷ đồng, hỗ trợ sản xuất cho hơn 5.300 đoàn viên thanh niên; phối hợp tư vấn đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho hơn 20 nghìn đoàn viên thanh niên...

Thực hiện cuộc vận động "Thanh niên Bắc Giang làm kinh tế giỏi, tích cực tham gia xóa đói, giảm nghèo", năm 2009, toàn tỉnh Bắc Giang có 450 hợp tác xã, tổ hợp tác kinh tế, chi hội nghề nghiệp của thanh niên; 148 trang trại trẻ với hơn 7.000 thanh niên tham gia; xuất hiện nhiều tấm gương tiên tiến có mô hình phát triển kinh tế hiệu quả, thu hút nhiều thanh niên nông thôn học tập, làm theo, góp phần khẳng định vai trò xung kích, tình nguyện của thanh niên nông thôn trong tham gia phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo⁷.

Huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ có 22.167 đoàn viên thanh niên. Phát huy vai trò, sức mạnh của thanh niên trong thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, Huyện Đoàn đã triển khai các phong trào thanh niên "Năm xung kích phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc" và "Bốn đồng hành với thanh niên lập thân, lập nghiệp".

Các phong trào thanh niên nông thôn xóa đói, giảm nghèo phát triển mạnh mẽ, với các hình thức hoạt động phong phú như xây dựng được câu lạc bộ kinh tế, làng thanh niên phát triển kinh tế. Các mô hình này đã phát huy được tinh thần trợ giúp lẫn nhau thông qua các hoạt động cho vay vốn, giống và trao đổi kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh giữa các đoàn viên. Các dự án tư vấn, hỗ trợ thanh niên nghèo phát triển kinh tế của Trung ương Đoàn và các nguồn vốn các từ Trung ương tới địa phương được thanh niên sử dụng có hiệu quả. Năm bắt được nhu cầu của thanh niên, Huyện Đoàn Hạ Hòa đã phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức tập huấn, ứng dụng kiến thức khoa học kỹ

⁶ <http://www.tinhdoan.langson.gov.vn>, 12-2010.

⁷ Ba Nhân: *Thanh niên nông thôn xung kích làm giàu*, <http://www.tinhdoanbg.gov.vn>, 11-2009.

thuật vào sản xuất nông lâm nghiệp, chăn nuôi cho thanh niên nông thôn. Năm 2010, Huyện Đoàn mở 14 lớp chuyển giao khoa học - kỹ thuật nông nghiệp cho 564 lượt thanh niên; duy trì và nhân rộng các mô hình thanh niên điển hình trong phát triển kinh tế. Nhờ vai trò xung kích, vượt khó của thanh niên, đã xuất hiện nhiều mô hình kinh tế của thanh niên cho thu nhập từ 50-200 triệu đồng/năm như mô hình nuôi thủy sản của Nguyễn Việt Long (xã Lệnh Khanh), mô hình sản xuất kinh doanh đồ gỗ của Quách Đức Ngọc (xã Âm Hạ), cho thu nhập 100 triệu đồng/năm, tạo việc làm cho nhiều thanh niên trong xã. Mô hình bóc gỗ xuất khẩu của Nguyễn Đức Dũng (xã Âm Hạ) cho thu nhập 200 triệu đồng/năm, tạo việc làm cho hơn 50 thanh niên, với thu nhập từ 1.500.000 đến 2.000.000 đồng/tháng; mô hình nuôi nhím, nuôi ba ba của Nguyễn Ngọc Thạch (xã Minh Côi) cho thu nhập khoảng 100 triệu đồng/năm... Những mô hình kinh tế kể trên đã tích cực giúp cho nhiều thanh niên thoát nghèo, ổn định cuộc sống, từng bước vươn lên khá, giàu. Ngoài các nguồn vốn được vay ưu đãi, các cấp bộ Đoàn còn tự góp vốn giúp nhau lập nghiệp với số tiền lên tới 80,5 triệu đồng, cùng với số vốn 30,7 tỷ đồng vay của Ngân hàng chính sách xã hội huyện, hỗ trợ cho thanh niên học tập, phát triển kinh tế, tạo điều kiện cho thanh niên nông thôn có cơ hội thoát nghèo⁸.

Tỉnh Bạc Liêu, với tổng số 294.000 thanh niên (năm 2002), trong đó thanh niên nông thôn là 188.454 người (chiếm 64,1%). Thực hiện Chương trình thanh niên tham gia phát triển kinh tế, xã hội giúp nhau lập nghiệp và phát triển nông thôn, trong những năm 2002-2007, các cấp bộ Đoàn tỉnh Bạc Liêu phối hợp với trung tâm khuyến nông, khuyến ngư tổ chức 1.019 lớp tập huấn khoa học - kỹ thuật cho 73.910 lượt đoàn viên, thanh niên; xây dựng được 403 điểm hình trình diễn kỹ thuật về cánh đồng thanh niên nhân giống lúa mới; đóng góp xây dựng được 8,5 tỷ đồng quỹ giúp nhau lập nghiệp, giúp cho 7.517 thanh niên có vốn sản xuất; vận động thanh niên tự giúp nhau trên 500.000 ngày công lao động, giúp nhau về kỹ thuật, cây, con giống... Những hoạt động trên tạo điều kiện cho thanh niên nông thôn Bạc Liêu từng bước thoát khỏi cảnh nghèo túng, vươn lên khá, giàu. Lâm Văn Linh, Bí thư chi đoàn ấp Biển Đông B, xã Vĩnh Trạch Đông, năm 2004 có thu nhập gần 1 tỷ đồng; đoàn viên thanh niên Liên Chí Cao từ nghèo vươn lên thành một doanh nhân trẻ của thị xã Bạc Liêu, mỗi năm thu nhập hơn 600 triệu đồng; Huỳnh Thanh Du, Đặng Hùng Tịnh (huyện Vĩnh Lợi) là những thanh niên sản xuất giỏi... Những nỗ lực của thanh niên nông thôn đã góp phần giảm nhanh tỷ lệ hộ nghèo ở Bạc Liêu. Trong những năm 1997-2005, số hộ nghèo ở Bạc Liêu giảm từ 28% năm 1997 xuống còn 5% vào năm 2005 (theo chuẩn nghèo cũ), trung bình mỗi năm, giảm được hơn 5.000 hộ nghèo⁹.

Thanh niên nông thôn tỉnh Bình Phước lại thực hiện xóa đói, giảm nghèo theo cách của riêng mình. Để góp phần hỗ trợ về vốn, thị trường, kỹ thuật sản xuất, kinh doanh và việc làm, Tỉnh đoàn Bình Phước đã đẩy mạnh tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về nghề nghiệp và việc làm. Nhiều chuyên mục, bài viết, các thông tin tuyển dụng, đào tạo nghề được đăng tải trên các trang thông tin của Đoàn thanh niên các cấp.

⁸ Minh Mẫn: *Phát huy sức trẻ trong xóa đói, giảm nghèo*, <http://www.baophutho.org.vn>, 1-2011.

⁹ Tỉnh ủy Bạc Liêu: Nghị quyết số 01- NQ/TU của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu về công tác giảm nghèo từ nay đến năm 2010, 3-2006.

Đoàn thanh niên đã phối hợp với các cơ quan hữu trách tổ chức 68 ngày hội tư vấn vay vốn, nghề nghiệp, việc làm và xuất khẩu lao động; tổ chức các sàn giao dịch việc làm; mở các lớp đào tạo “Khởi sự doanh nghiệp”; các dự án xóa đói giảm nghèo... Trong 5 năm (2004-2009), bằng việc cung cấp thông tin đa chiều, cơ sở đoàn các cấp đã giới thiệu và giải quyết việc làm cho 98.671 thanh niên, trong đó có 6.892 thanh niên là bộ đội xuất ngũ về địa phương, thanh niên tái hòa nhập cộng đồng. 14 cơ sở dạy nghề thường xuyên tổ chức mở các lớp đào tạo nghề ngắn hạn, dài hạn và đã tổ chức được 312 lớp cho 19.287 lượt thanh niên theo học; có 102 lớp tập huấn chuyển giao khoa học - kỹ thuật được tổ chức cho 5.300 lượt thanh niên; 42 điểm trình diễn về giống vật nuôi - cây trồng, thu hút khoảng 10.000 lượt thanh niên và nhân dân tham quan; tổ chức một lớp tập huấn xây dựng mô hình hợp tác xã cho 65 cán bộ đoàn cơ sở; duy trì 87 câu lạc bộ khuyến nông, với 913 đoàn viên thanh niên tham gia. Các mô hình nuôi cá rô phi đơn tính, nuôi heo rừng, nhím, cá lóc, trồng tiêu sạch, măng tây, chanh dây... mang lại nguồn thu nhập không nhỏ. Mô hình trang trại trẻ cũng góp phần quan trọng trong việc giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập. Toàn tỉnh có 250 chủ trang trại trẻ thu nhập từ 100 triệu đồng trở lên, giải quyết việc làm cho trên 5.000 lao động tại địa phương¹⁰. Thông qua các phong trào “Thanh niên nông thôn chuyển giao khoa học - kỹ thuật giỏi”, “Thanh niên nông thôn sản xuất - kinh doanh giỏi”, “Thanh niên ứng dụng chuyển giao khoa học - kỹ thuật giỏi”... ngày càng xuất hiện nhiều điển hình thanh niên sản xuất - kinh doanh giỏi, vươn lên làm giàu một cách chính đáng và giúp một bộ phận thanh niên nông thôn thoát nghèo.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự đồng tâm của toàn dân, việc thực hiện chính sách xóa đói, giảm nghèo đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, có liên quan chặt chẽ đến quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Trong 10 năm thực hiện Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 1991-2000, cơ cấu kinh tế Việt Nam có sự dịch chuyển mạnh theo hướng tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng của nông nghiệp. Trong GDP, tỷ trọng nông nghiệp giảm từ 38,7% (1991) xuống 24,3% (năm 2000), công nghiệp và xây dựng từ 22,7% tăng lên 36,6%, dịch vụ từ 38,6% tăng lên 39,1%. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ trên 30% xuống 10%¹¹.

Những năm 2001-2010, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế Việt Nam theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá tiếp tục diễn ra nhanh hơn. Tỷ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP tăng từ 36,7% (năm 2000) lên 41,5% (năm 2007). Tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục giảm, từ 24,5% (năm 2000) xuống còn 19,9% (năm 2010). Cơ cấu lao động có sự chuyển đổi tích cực. Từ năm 2000 đến năm 2010, tỷ trọng lao động trong các ngành công nghiệp và xây dựng tăng từ 12,1% (năm 2000) lên 23% (năm 2010), lao

¹⁰ Chiến lược phát triển thanh niên Bình Phước, <http://binhphuoc.org>.

¹¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 149-151.

động nông nghiệp giảm từ 65,1% (năm 2000) xuống còn 50% (năm 2010). Tỷ lệ hộ nghèo còn 10% (theo chuẩn mới)¹².

3. Nguy cơ tái nghèo - thử thách vẫn còn ở phía trước

Nhìn lại 10 năm thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010, 20 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991), Trung ương Đảng thẳng thắn chỉ rõ: “Đời sống của một bộ phận dân cư, nhất là ở miền núi, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn. Xóa đói, giảm nghèo chưa bền vững, tình trạng tái nghèo cao”¹³.

Theo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, chuẩn nghèo mới áp dụng cho giai đoạn 2011-2015 như sau: thu nhập bình quân từ 400.000 đồng/người/tháng trở xuống (khu vực nông thôn), từ 500.000 đồng/người/tháng trở xuống (khu vực thành thị). Như vậy, mức chuẩn nghèo mới cao gần gấp đôi mức chuẩn nghèo của những năm 2010 trở về trước. Khi chuẩn mới được áp dụng, tỷ lệ hộ nghèo ở Việt Nam dự tính khoảng 20%.

Với mức chuẩn nghèo mới, những người vừa mới thoát nghèo, và những người cận nghèo, nếu gặp rủi ro trong sản xuất kinh doanh, thiếu tư liệu sản xuất, việc làm không thường xuyên, thu nhập bấp bênh... rất dễ tái nghèo, do nhiều nguyên nhân khác nhau.

Thứ nhất, sự bất lợi của thời tiết, thiên tai, lũ lụt, làm mất mùa màng, tài sản, tạo ra sự nghèo đói trên diện rộng, làm cho nhiều thanh niên, cho dù đã có nhiều nỗ lực, vất vả thoát nghèo, nhưng vẫn dễ dàng quay về với cảnh nghèo túng.

Thứ hai, chi phí đầu vào cho sản xuất nông nghiệp quá cao, trong khi đầu ra rất nhiều khó khăn, giá cả bấp bênh, thời tiết diễn biến bất thường, dễ làm cho những “nông dân trẻ” nản lòng. Một số nông dân không còn mặn mà với đồng ruộng; không xem nông nghiệp là nghề nữa. Chính vì thế, để thoát cảnh đói nghèo, họ đã chọn giải pháp “ly hương”. Song trong thực tế, nơi đô thị giá cả sinh hoạt lại cao, việc làm và thu nhập bấp bênh, chi phí nhiều, dễ bị tổn thương... “Ly hương” không giúp người nông dân thoát nghèo.

Thứ ba, do thiếu vốn trong sản xuất. Đây là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng đói nghèo. Thiếu vốn nên nông dân khó có khả năng hướng tới sản xuất các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao. Việc vay vốn cũng không dễ dàng, do thời hạn sản xuất nông nghiệp đòi hỏi thời gian dài mới thu được vốn, và cũng có thể bị mất do thất bát. Vì thế, những nông dân nghèo thường chọn phương án sản xuất tự cung, tự cấp, với các phương thức sản xuất truyền thống, giá trị kinh tế thấp, nên giá trị sản phẩm và năng suất các loại cây trồng, vật nuôi đều thiếu tính cạnh tranh trên thị trường, đưa họ vào vòng luẩn quẩn của sự nghèo khó.

Trong các chủ trương xóa đói, giảm nghèo, Đảng và Nhà nước luôn có những chính sách hỗ trợ vốn cho những hộ nghèo trong sản xuất, song để tiếp cận được nguồn vốn hỗ

¹² Ban Tuyên giáo Trung ương: *Tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 20, 32.

¹³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 168.

trợ, là một khó khăn lớn đối với người dân nông thôn. Trên thực tế, nông dân nghèo nên thường không thể có tài sản thế chấp, phải dựa vào tín chấp với các khoản vay nhỏ, hạn chế trong sản xuất, kinh doanh, hiệu quả thấp, giảm khả năng hoàn trả vốn. Mặt khác, đa số nông dân nghèo trình độ thấp, không có kế hoạch sản xuất cụ thể hoặc sử dụng vốn vay không đúng mục đích, nên khó có điều kiện tiếp cận với các nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước cũng như các tổ chức tín dụng.

Thứ tư, quá trình tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tất yếu gắn liền với đô thị hoá. Tốc độ đô thị hóa ngày càng gia tăng, không gian đô thị ngày càng mở rộng, do các khu công nghiệp và hệ thống đường giao thông được xây dựng nhiều hơn. Diện tích đất canh tác nông nghiệp bị thu hẹp dần, dẫn tới một bộ phận không nhỏ nông dân rơi vào cảnh thiếu đất, hoặc không có đất sản xuất, phải chuyển đổi nghề nghiệp. Nhưng trên thực tế không phải người nào cũng có khả năng tìm việc làm mới hoặc thay đổi cách thức sản xuất, tăng năng suất trên một đơn vị diện tích đất canh tác nhờ áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao... Do đó, một bộ phận nông dân từ lâu đã gắn với sản xuất nông nghiệp bị đẩy vào cảnh khốn khổ vì thiếu nguồn lực sản xuất. Một số người khác sau khi nhận được số tiền đền bù từ mảnh ruộng của mình trong các dự án quy hoạch không biết sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả dẫn đến hệ quả là tái nghèo.

Thứ năm, do trình độ học vấn. Một bộ phận không nhỏ nông dân thiếu kiến thức trong sản xuất, kinh doanh, khả năng tìm việc làm khó khăn, là nguyên nhân quan trọng đẩy họ vào cảnh tái nghèo.

Cuộc chiến đấu chống đói nghèo hoàn toàn không phải là một cuộc hành trình phẳng lặng, mà còn đầy cam go, thoát nghèo và tái nghèo như một cái vòng luẩn quẩn, đòi hỏi những nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, toàn xã hội.

Để cụ thể hóa hơn định hướng của Đảng, Chính phủ đã đưa ra mục tiêu cần đạt được trong giảm nghèo từ 2011 đến 2020: Giảm nghèo bền vững là một trong những trọng tâm của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 – 2020 nhằm cải thiện và từng bước nâng cao điều kiện sống của người nghèo, trước hết ở khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện ở các vùng nghèo; thu hẹp khoảng cách chênh lệch giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng, các dân tộc và các nhóm dân cư. Cụ thể cần đạt được: Thu nhập của hộ nghèo tăng lên 3,5 lần; tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm 2%/năm, riêng các huyện nghèo, xã nghèo giảm 4%/năm theo chuẩn nghèo từng giai đoạn; Điều kiện sống của người nghèo được cải thiện rõ rệt, trước hết là vấn đề y tế, giáo dục, văn hóa, nước sinh hoạt, nhà ở; người nghèo tiếp cận ngày càng thuận lợi hơn các dịch vụ xã hội cơ bản; Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ở các huyện nghèo, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn được tập trung đầu tư đồng bộ theo tiêu chí nông thôn mới, trước hết là hạ tầng thiết yếu như: giao thông, điện, nước sinh hoạt¹⁴.

¹⁴ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: *Hội nghị triển khai nhiệm vụ công tác năm 2011*, Nxb. Lao động – Xã hội, tr. 59.

Để thực hiện được các mục tiêu trên, trong giai đoạn 2011-2015 tiếp tục thực hiện: Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo, Chương trình 135 giai đoạn 3, Nghị quyết 30a của chính phủ và các chương trình phát triển kinh tế xã hội khác. Nguồn lực để thực hiện công tác giảm nghèo được huy động tối đa, không chỉ bằng Ngân sách Nhà nước mà còn huy động sự tham gia với tinh thần trách nhiệm cao của các tập đoàn kinh tế, các Tổng Công ty nhà nước, Ngân hàng thương mại... và đặc biệt là từ chính bản thân người nghèo. Phối hợp nhiều phương thức hỗ trợ người nghèo như hỗ trợ người nghèo trong vay vốn tín dụng ưu đãi, hỗ trợ về nhà ở, hỗ trợ về cung cấp và tạo điều kiện duy trì với các loại dịch vụ, hỗ trợ giao đất, giao rừng; về đào tạo nguồn nhân lực...

Với những giải pháp đồng bộ và có tính khả thi, phù hợp với những điều kiện cụ thể của mỗi địa phương, toàn Đảng, toàn dân Việt Nam đang nỗ lực phấn đấu xoá đói, giảm nghèo, nhằm đảm bảo cho đất nước phát triển nhanh và bền vững, trong điều kiện xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.